

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/12/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+BK10	7:25	17+4	0+0		11+11	0+0	
2		TD1+BK21+BK4	7:25	18+0+4	0+0+0		16+0+4	0+0+0	chuyen 2 Td1- bk21
3		BK3+CLO	7:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
4		PVD8+P9	9:25	15+6	0+0		10+12	0+0	
5		TD1+CLO+BK10	9:25	4+18+0	0+0+0		3+15+4	0+0+0	chuyen 1 Td1- clo
6		P2+TD1	9:25	8+14	0+0		1+21	0+0	
7		P2+BK4	11:25	20+1	0+0		20+2	0+0	
8		RP3+P11+P9	11:25	3+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 4 p11- p9
9		BK3+P10+P9	11:25	5+17+0	0+0		3+16+3	0+0	
10		PVD8	12:25	18	0		19	0	ec
11		PVD8	12:25	18	0		19	0	puma
12		CTK3+VSP01+P11	13:25	13+9	0+0		0+22	0+0	CHUYEN 1 CTK3-VSP01
13		P10+MRM +CTK3	13:25	14+6+0	0+0+0		14+3+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày Bk3-Ing, Bk4-Ing, P11-5ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P11 - BK10	CREW: VTHANG - HTRUNG - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4921	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU VAN TIEN	P11	55	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
2	VU BA NEP	P11	66	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
3	LE LANG TU	P11	56	1	8	3	55	63	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH CHANH PHAT	P11	51	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC TAN	P11	50	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MAI NAM	P11						79	KH-THAC	Vietnamese
7	VU VAN SY	P11						74	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGUYEN HUY NGUYEN	P11						74	KH-THAC	Vietnamese
9	SMIRNOV SERGEI	P11	52	1	11			96	KH-THAC	Russian
10	VU VAN MANH	P11						77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC ANH	P11	62	1	7			78	YTE	Vietnamese
12	HOANG NGOC LAN	P11	65	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN MANH	P11	63-64	2	22			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CONG LUAN	P11	57-58	2	10			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG BANG	P11	53-54	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
16	DAO THIEN THUAT	P11	61	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG CONG PHUNG	P11	59-60	2	9			74	KH-THAC	Vietnamese
18	DAO VAN DUC	BK10	95	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN CONG HOAN	BK10	87	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGHIEM XUAN ANH	BK10	90	1	8	2	30	55	KH-THAC	Vietnamese
21	DO TUAN VIET	BK10	96	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	17	1.225	17	123	3	55	11		
2	BK10	4	265	4	25	2	30	11		
TOTAL		21	1.490	21	148	5	85	22		
WEIGHT KG			1.490		148		85			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI NGOC HA

CREW

NGO VAN THANG
 NGUYEN DUC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:TD1 - BK21 - BK4	CREW: HUNG - SON - DTUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4925	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1				4	70	108	KHOAN	Russian
2	NGUYEN NHU BANG	TD1	19	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN MINH SON	TD1	50	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	51	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VAN DUY	TD1	57	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN HOAN	TD1	56	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
7	VU ĐỨC TOÀN	TD1						77	KHOAN	Vietnamese
8	HOA XUÂN LUAN	TD1	45	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH CAO TRỌNG	TD1	49	1	10			72	KHOAN	Vietnamese
10	LE BA CHIEN	TD1	48	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH HUY TOAN	TD1	53	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO THANH HOAT	TD1	46	1	6			83	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN GIANG	TD1	52	1	2			64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN ANH	TD1	44	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
15	LUU THIEN ĐỨC	TD1	55	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
16	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	54	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ VĂN QUY	TD1	47	1	3			55	KHOAN	Vietnamese
18	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	58	1	6			59	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG QUỐC VÂN	BK4	17-18	2	9	2	30	61	SGC	Vietnamese
20	LE VO MANH CUONG	BK4	19	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG ĐAN	BK4	20	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
22	HO VAN ĐỨC	BK4	21	1	4			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	18	1.272	16	83	4	70	16+2	CHUYEN 2 PAX TDI-BK21	
2	BK21	0	0	0	0	0	0	0		
3	BK4	4	273	5	24	2	30	4		
TOTAL		22	1.545	21	107	6	100	20		
WEIGHT KG			1.545		107		100			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HƯNG
PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: BK3 - CLO	CREW: LHAÍ - VANH - TDUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4929	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ XUÂN CÔNG	BK3	52-53	2	14			51	SGC	Vietnamese
2	VŨ VĂN NAM	BK3	47	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CÔNG VINH	BK3	48	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUNG CÔNG DU	BK3	49	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NAM	BK3	50-51	2	15	3	52	89	CODIEN	Vietnamese
6	HOANG VAN HUNG	CLO	89	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
7	SHEVCHENKO DMITRII	CLO	83	1	5	2	40	77	KHOAN	Russian
8	NGUYEN VAN TRUNG	CLO	78	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ MINH TU	CLO	85	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ VĂN BÁC	CLO	86	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN LONG	CLO	82	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG NHẬT	CLO	81	1	3			56	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NHƯ DUNG	CLO	79	1	7			93	KHOAN	Vietnamese
14	SUKHOMLIN IGOR	CLO	87	1	6			126	KHOAN	Russian
15	ĐẶNG DUY LY	CLO	77	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN KHANH	CLO	80	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
17	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	92	1	13			79	KHOAN	Vietnamese
18	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	91	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ MẠNH HUNG	CLO	88	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU THANG	CLO	93	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ HAI LONG	CLO	90	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
22	HOANG VAN LINH	CLO	84	1	12			62	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	5	353	7	47	3	52	5		
2	CLO	17	1.292	17	100	2	40	17		
TOTAL		22	1.645	24	147	5	92	22		
WEIGHT KG			1.645		147		92			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LƯU THANH HẢI
TRẦN VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: PVD8 - P9	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4922	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN VĂN HÙNG	PVD8	41	1	8	2	31	92	PVD DD	Vietnamese
2	TRỊNH XUÂN CƯỜNG	PVD8	36	1	5	1	2	67	PVD DD	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	PVD8	79	1	18	1	15	76	PVDO	Vietnamese
4	BUI ANH TÚ	PVD8	39	1	15			69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BAO	PVD8						60	KH-THAC	Vietnamese
6	MAKSIMOV D.S.	PVD8	44-45	2	16			123	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN HOANG HA	PVD8	40	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG KIẾN	PVD8	46	1	10			100	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN CƯỜNG	PVD8	47	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÁC	PVD8	51	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
11	IAN CRAIG BREETON	PVD8	48,200	2	16			98	PVD DD	British
12	NGUYỄN CÔNG CHỨC	PVD8	42-43	2	14			72	PVD DD	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG HIỆU	PVD8	52-53	2	12			54	PVD DD	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGHỊ	PVD8	37	1	9			69	PSV	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P9	52	1	5	1	8	66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÙNG (21575)	P9	58	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN VIỆT	P9	56	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ ĐỨC HIỆN	P9	54-55	2	20			55	YTE	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HIỆN	P9	57	1	8			51	KH-THAC	Vietnamese
20	HƯA SẦY	P9	53	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	14	1.108	17	137	4	48	10		
2	P9	6	393	7	52	1	8	12		
TOTAL		20	1.501	24	189	5	56	22		
WEIGHT KG			1.501		189		56			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD1 - CLO - BK10	CREW: HUNG - SON - DTUNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4926	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HỒ VĂN HẬU	TD1	66	1	6	3	55	64	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG TUAN ANH*	TD1	65	1	14			77	KHOAN	Vietnamese
3	KIEU VĂN HUAN	TD1	67-68	2	11			67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	64	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
5	HỒ VĂN RƠN	CLO	65	1	4	1	14	78	KHOAN	Vietnamese
6	LUONG NGOC KHUONG*	CLO	74-75	2	12			80	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM TAT LUC	CLO	60-61	2	10			69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	54	1	7	1	19	75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN KHANG	CLO	63-64	2	10			73	KHOAN	Vietnamese
10	BUI XUAN DUY	CLO	62	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH XUAN PHU	CLO	53	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TRẦN NAM	CLO	69	1	9			68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	66-67	2	12			60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC THẠCH	CLO	68	1	6			59	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	52	1	3			66	DVL	Vietnamese
16	ĐINH VIỆT DŨNG	CLO	56	1	3			57	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THĂNG*	CLO	57	1	7			103	PSV	Vietnamese
18	VU VĂN THẨM	CLO	58	1	3			60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TUÂN	CLO	59	1	5			65	PSV	Vietnamese
20	LE DUY LAN	CLO	76-77	2	13			66	SCHLUMBE	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỜNG THỌ	CLO	72-73	2	13			81	SCHLUMBE	Vietnamese
22	YUSDI AMIR YUSUF	CLO	70	1	8	1	16	61	SCHLUMBE	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	4	284	5	37	3	55	3		CHUYEN I TD1-CLO
2	CLO	18	1.254	24	132	3	49	15		
3	BK10	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	1.538	29	169	6	104	22		
WEIGHT KG			1.538		169		104			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BUI THI HIEN LUONG

CREW

LÊ QUÝ HUNG

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:58
B.CARD: TRANG-2	TO: P2 - TD1	CREW: LHM - VANH - TDUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4930	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGO VAN NGHI	P2	09-10	2	13			64	KH-THAC	Vietnamese
2	BIEN DANG SAM	P2	18	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU VAN TU	P2	12	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG TRONG THI	P2	11	1	5			71	T-TIN	Vietnamese
5	VU DINH QUANG	P2	15	1	8	1	14	77	KH-THAC	Vietnamese
6	VU VAN HIEU	P2	17	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MINH QUAN	P2	14	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
8	DINH BA HOANG NAM	P2	13	1	10			98	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN CHUONG	TD1						70	KHOAN	Vietnamese
10	LUU DINH MINH	TD1	96-97	2	19			84	KHOAN	Vietnamese
11	NGO THUAN THANH*	TD1	98-99	2	19			73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HUU LUAN	TD1	91	1	10			69	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN TRONG TIEN	TD1	90	1	14			80	KHOAN	Vietnamese
14	NGO DUY NGOC	TD1	94	1	13			59	KHOAN	Vietnamese
15	VU VAN THIEN	TD1	95	1	13			62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TRIET	TD1	900	1	9			70	DVL	Vietnamese
17	DUONG TRUNG KIEN*	TD1	01	1	11			57	DVL	Vietnamese
18	DO VAN THAI	TD1	02	1	13	3	39	69	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN MINH BANG	TD1	93	1	3	2	30	85	PSV	Vietnamese
20	LE VAN TINH	TD1	88-89	2	7			57	PSV	Vietnamese
21	HOANG VAN PHUONG	TD1	92	1	4			73	PSV	Vietnamese
22	PHAM TOAN VU	TD1	87	1	7			80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	8	552	9	50	1	14	1		
2	TD1	14	988	16	142	5	69	21		
TOTAL		22	1.540	25	192	6	83	22		
WEIGHT KG			1.540		192		83			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

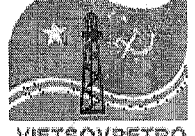
VU THI ANH

CREW

LUU THANH HAI
TRẦN VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: P2 - BK4	CREW: DUONG - NPHU - TU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/4923	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN DUC MINH	P2	41-42	2	12	1	17	74	KH-THAC	Vietnamese
2	TO NGUYEN MINH KHOI	P2	04	1	5	1	4	80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	43	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN DONG	P2	44	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
5	Dinh Mau Trung Kien	P2	408	1	14			73	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI HOANG TAM	P2	45	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGUYEN HAI NINH	P2	78	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM THIEN NAM	P2	19	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
9	DO HUY HUNG	P2	79	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
10	THINH VIET HUNG	P2	07	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese
11	NINH TRUNG LUONG	P2	02-03	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
12	VU TA HUNG	P2	33	1	16			67	XAYLAP	Vietnamese
13	LUONG THE MINH	P2	39-40	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN NGOC	P2	34-35	2	20			55	XAYLAP	Vietnamese
15	DUONG THANH TUAN	P2	37-38	2	20			59	XAYLAP	Vietnamese
16	VU DUC THIEN	P2	05-06	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN PHI HUNG	P2	01	1	12			76	DUY LINH	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG HA	P2	36	1	10			65	DUY LINH	Vietnamese
19	MAHAMACH SOLES	P2	08	1	13			70	DUY LINH	Vietnamese
20	PHAM QUANG TUAN	P2	30	1	11			112	XN KHI	Vietnamese
21	PHAM HONG VU	BK4	13-14	2	13			48	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	20	1.428	26	233	2	21	20		
2	BK4	1	48	2	13	0	0	2		
TOTAL		21	1.476	28	246	2	21	22		
WEIGHT KG			1.476		246		21			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

BUI HOANG DUONG

DAO NGOC PHU



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO: RP3 - P11 - P9	CREW: LINH - N.CU'ONG - QTRU'ONG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/4927	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐAO TRUNG KIEN	RP3	29	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HIEU	RP3						66	KH-THAC	Vietnamese
3	LE XUAN THANG	RP3	30	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN SON	RP3	31	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA KY	P9						77	KH-THAC	Vietnamese
6	VU NAM GIANG	P9	40	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TUAN ANH	P9	30	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET THANG	P9	32	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH THE NHAN	P9	39	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MINH HIEN	P9	28	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐANG NAM PHUONG	P9	32	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH HUY KHIEM	P9	33	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TRONG ĐUC	P9	31	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN DAT	P9	29	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN VIET ĐONG*	P9	30	1	12	4	53	75	CODIEN	Vietnamese
16	ĐO ĐỨC ANH*	P9	31	1	11	4	60	80	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN KIEN	P9	37-38	2	14			74	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VIET PHONG LUU*	P9	35	1	14			90	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN XUÂN QUYÊN*	P9	33-34	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN THANH NGAN	P9	36	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI ANH TUAN	P9	28-29	2	13			68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	4	261	3	9	0	0	0		
2	P11	0	0	0	0	0	0	0 + 4	CHUYEN 4 PAX P11-P9	
3	P9	17	1.219	19	148	8	113	22		
TOTAL		21	1.480	22	157	8	113	22		
WEIGHT KG			1.480		157		113			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHU' CU'ONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:20
B.CARD: NAU-3	TO: BK3 - P10 - P9	CREW: LHA - VANH - TDUNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/4931	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHUNG BA DE	BK3	69-71	3	14	1	18	74	CODIEN	Vietnamese
2	CAO XUAN DUNG	BK3	72-73	2	18			70	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN XUAN HOAN	BK3	74-75	2	13			57	CODIEN	Vietnamese
4	VU XUAN CHINH	BK3	76	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
5	HO DINH LOC	BK3	68	1	5			76	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN DUY HA	P10	55	1	9			76	KHAITHAC	Vietnamese
7	LE TRI HAO	P10						69	KHAITHAC	Vietnamese
8	IAKIMIDI RUSLAN	P10	57	1	7			112	KH-THAC	Russian
9	PHAM VAN HUONG	P10	59	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN THANG	P10	52-53	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC KHANH*	P10	56	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
12	VU DANG HOANG	P10	54	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUNG DAI DUONG	P10	63	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
14	LUONG CONG DAT	P10	66-67	2	14			67	YTE	Vietnamese
15	TRAN THANH HAI*	P10	58	1	14			75	KHAITHAC	Vietnamese
16	NGUYEN DINH NAM	P10	64-65	2	15			65	KHAITHAC	Vietnamese
17	NGUYEN MANH PHUC	P10	61-62	2	8			49	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG SY NGUYEN*	P10	51	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
19	LY TRUNG HIEU	P10	47	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN BAO TOAN	P10	49-50	2	15			73	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM TIEN PHUONG	P10	48	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI NGOC NAM	P10	60	1	6	3	50	71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	5	342	9	60	1	18	3		
2	P10	17	1.224	21	135	3	50	16		
3	P9	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	1.566	30	195	4	68	22		
WEIGHT KG			1.566		195		68			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LIU THANH HAI

TRAN VIET ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: HONG-3	TO: PVD8	CREW: ĐTRUNG - VLINH	ETA: 14:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4933	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HA TÂN ĐUỘC	PVD8	07	1	7			79	PSV	Vietnamese
2	LE TÂN ĐẠT	PVD8	04	1	6			55	PVDO	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY THANH	PVD8	10	1	5			84	PVDO	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐƯƠNG	PVD8	16	1	4			70	PVDO	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC NGU	PVD8	17	1	11			73	PVDO	Vietnamese
6	NGUYỄN THẠC NGHĨA	PVD8	18	1	3			64	PVDO	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NHÀN	PVD8	13	1	2			60	PVDO	Vietnamese
8	PHẠM VĂN CHUNG	PVD8	06	1	4			68	PVDO	Vietnamese
9	NGUYỄN NHẬT THÔNG	PVD8	11	1	11			61	PVDO	Vietnamese
10	TRẦN TUẤN TRINH	PVD8	709	1	5			71	PVDO	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY PHÚC*	PVD8	14,03	2	14			64	PVDO	Vietnamese
12	NGO TRUNG KIEN	PVD8	05-06	2	9			58	PVDO	Vietnamese
13	LUƠNG QUỐC DŨNG	PVD8	10	1	5			68	PVDO	Vietnamese
14	LÊ VĂN THANH 1982*	PVD8	12	1	5			74	PVDO	Vietnamese
15	TRẦN NAM THẮNG	PVD8	02	1	8			76	PVDO	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THANH	PVD8	15	1	8			57	PVDO	Vietnamese
17	HỒ CAO THƯỢNG	PVD8	07	1	8			81	PVDO	Vietnamese
18	PHAN TRỌNG HIỆU	PVD8	08	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU THANH	PVD8	09	1	6			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	19	1.296	21	126	0	0	19		
TOTAL		19	1.296	21	126	0	0	19		
WEIGHT KG			1.296		126		0			

GRAND TOAL: 1.422 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 12:35
B.CARD: VÀNG-3	TO: PVD8	CREW: TRÌNH - CÔNG	ETA: 14:25
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/4932	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN THANH QUÂN *	PVD8	66	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HIỆU	PVD8	67	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PVD8						76	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG THÁI SƠN	PVD8	41	1	8			84	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG LONG	PVD8	73	1	13			67	DVL	Vietnamese
6	MAI HUY TÚ	PVD8	74	1	9	3	44	59	DVL	Vietnamese
7	LÊ VŨ THUẬT	PVD8	200	1	11			65	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TÁT THÀNH	PVD8	59	1	11			72	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ HUY	PVD8	62-63	2	7			66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGHIÊM TRÌNH NHẬT	PVD8	65	1	14			65	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH VĂN DƯƠNG	PVD8	60	1	17			62	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM THẾ DƯƠNG	PVD8	64	1	5			56	GETRACO	Vietnamese
13	TRẦN ANH LÂM	PVD8	72	1	9			66	GETRACO	Vietnamese
14	TRẦN KHÁNH DUY	PVD8	99	1	4			70	GETRACO	Vietnamese
15	BUI HUNG TIEN	PVD8	61	1	4			67	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT TRƯỞNG	PVD8	70-71	2	10			67	NHATHAU	Vietnamese
17	PHAN MINH SANG	PVD8	68-69	2	9			82	NHATHAU	Vietnamese
18	TRẦN THIỆN THANH	PVD8	57	1	10	1	12	65	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	18	1.239	20	155	4	56	19		
TOTAL		18	1.239	20	155	4	56	19		
WEIGHT KG			1.239		155		56			

GRAND TOAL: 1.450 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

TRẦN KHÁNH TRÌNH

CAO VĂN CÔNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO:CTK3 - VSP01 - P11	CREW: DƯƠNG - NHÚ - TÚ	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM25/4924	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRƯƠNG MINH THÈ*	CTK3	50-51	2	12			55	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG CHIEN	CTK3	61-62	2	11			61	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DÂN	CTK3	54	1	9			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	LÊ CANH LÂM	CTK3	52-53	2	15			57	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CUÔNG*	CTK3	63-64	2	16			58	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	VÕ ĐÌNH HÙNG	CTK3	59-60	2	19			63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	TRẦN THANH LÂM	CTK3	55-56	2	17			56	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	LÊ XUÂN LỘC	CTK3	48-49	2	18	5	92	71	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	LÊ VĂN KHANH	CTK3	58	1	11			66	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
10	TRANG NGỌC NAM	CTK3	57	1	14			73	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN MÃO	CTK3	47	1	13			56	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
12	TRẦN DUY THÈ	CTK3	45	1	7			67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐẠT	CTK3	46	1	7			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	PHAN CONG HUY	P11	76-77	2	6			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LIÊM	P11	73	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
16	VU PHƯƠNG HUƠNG	P11	70	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN KIỆU CANH	P11	74	1	5			77	PSV	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN DÂN	P11	75	1	5			63	PSV	Vietnamese
19	LÊ HỮU TUÂN	P11	72	1	7			67	PSV	Vietnamese
20	MAI CAO ĐÌNH	P11	78	1	6			65	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN ĐỨC	P11	79	1	7			50	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN THOẠI	P11	71	1	5			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	13	820	20	169	5	92	0	1	CHUYEN 1 PAX CTK3-VSP01
2	VSP01	0	0	0	0	0	0	0		
3	P11	9	588	10	59	0	0	22		
TOTAL		22	1.408	30	228	5	92	22		
WEIGHT KG			1.408		228		92			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:35
B.CARD: TIM-4	TO: P10 - MRM - CTK3	CREW: LINH - N.CƯƠNG - QTRƯỜNG	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM25/4928	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM THANH DUNG	P10	22	1	4			96	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC PHI	P10	15	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
3	DO LEMH DAO	P10	16	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NAM	P10	09	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUAN	P10	17	1	4	4	50	68	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH CONG VAN	P10	14	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
7	VO THANH DANH	P10	18	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN XUAN HINH	P10	20-21	2	17			89	KH-THAC	Vietnamese
9	LE TUAN AN	P10	19	1	16			80	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU VAN DAT	P10	87	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
11	VO NGOC THAI SON	P10	88	1	14			76	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TUNG	P10	89	1	12			78	CODIEN	Vietnamese
13	BUI VAN VUONG	P10	10-12	3	19			62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TRUNG THANG	P10	13	1	7			84	PSV	Vietnamese
15	EREMEEV EVGENII	MRM	89	1	13			97	KHOAN	Russian
16	CHU DINH THANH	MRM	91	1	8			62	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TIEN	MRM	85	1	7			70	DVL	Vietnamese
18	DO TRONG VINH PHAT*	MRM	87	1	12			79	DVL	Vietnamese
19	ABDULLIN ILSHAT*	MRM	88	1	15	2	100	86	AMHFP	Russian
20	TRINH VAN KIEN	MRM	92	1	7			62	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	14	1.041	17	137	4	50	14		
2	MRM	6	456	6	62	2	100	3		
3	CTK3	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	1.497	23	199	6	150	22		
WEIGHT KG			1.497		199		150			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯƠNG